ỨNG DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC PHẦN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 (CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN) CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NHÂN CHÍNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Minh Thuý
Trường THCS Trần Đăng Ninh, thành phố Hà Nội

Tóm tắt: *Ứng dụng SĐTD (Mind map) trong quá trình dạy học môn Ngữ văn là một phương pháp hiệu quả giúp HS phát triển tư duy và hình thành cho bản thân những kỹ năng cần thiết. Việc ứng dụng SĐTD vào quá trình dạy học môn Ngữ văn cho HS lớp 10 mang tính cấp thiết vì phương pháp này đem lại hiệu quả cao đối với GV và HS. Bài viết trình bày về ứng dụng SĐTD trong dạy học phần Văn học trung đại môn Ngữ văn lớp 10 (chương trình cơ bản - CTCB) cho học sinh trường THPT Nhân Chính, thành phố Hà Nội.*

Từ khóa: *ứng dụng, sơ đồ tư duy, dạy học, văn học trung đại, môn Ngữ văn lớp 10, học sinh trường Trung học phổ thông Nhân Chính, thành phố Hà Nội*

APPLICATION OF MIND MAPS IN TEACHING THE MEDIEVAL LITERATURE COMPONENT OF GRADE 10 VIETNAMESE LANGUAGE AND LITERATURE (BASIC CURRICULUM) TO STUDENTS AT NHAN CHINH HIGH SCHOOL, HANOI

Abstract: *The application of mind maps in the teaching and learning of Vietnamese Language and Literature is an effective approach that supports students in developing their thinking abilities and acquiring essential skills. Integrating mind maps into the teaching of Grade 10 Vietnamese Language and Literature is particularly important because this method can enhance teaching and learning effectiveness for both teachers and students. This article presents the application of mind maps in teaching the medieval literature component of Grade 10 Vietnamese Language and Literature under the basic curriculum to students at Nhan Chinh High School, Hanoi.*

Keywords: *application, mind maps, teaching, medieval literature, Grade 10 Vietnamese Language and Literature, students at Nhan Chinh High School, Hanoi*

Nhận bài: 05/08/2026 Phản biện: 06/09/2026 Duyệt đăng: 10/09/2026

I. MỞ ĐẦU

Giáo dục và đào tạo có một vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia nói chung, đối với Việt Nam nói riêng. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng ta về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã khẳng định: "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân." Hiện nay, bên cạnh những thành tựu đã và đang đạt được thì giáo dục nước ta vẫn còn những điều bất cập, trong đó tồn tại lớn nhất tập trung vào chất lượng giáo dục chưa cao, chưa ổn định. Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10 nói riêng, các trường trung học phổ thông (THPT) cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học (PPDH). Đây là vấn đề mà các trường THPT cần hướng tới đổi mới dạy học chủ động, chống lại thói quen học sinh học tập thụ động, học chay, học tủ. Một trong những PPDH có hiệu quả là ứng dụng SĐTD vào quá trình học tập môn Ngữ văn.

Ngữ văn là một bộ môn khoa học xã hội và nhân văn có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển tâm lý và hình thành nhân cách của học sinh (HS). Thông qua môn học, dưới sự hướng dẫn của giáo viên (GV), HS THPT sẽ được trang bị những hệ thống tri thức nhân văn, những giá trị sống tốt đẹp. Thế nhưng do đặc điểm của môn học Ngữ văn nặng nhiều về lý thuyết và con chữ nên một số HS còn bị động khi tiếp nhận kiến thức theo thói quen cũ. Đặc biệt đối với phần văn học trung đại – đây là một nội dung khó đòi hỏi HS phải tự trang bị cho mình lượng kiến thức rất rộng. Vì vậy, ứng dụng SĐTD sẽ giúp HS khắc phục một số hạn chế của cách học truyền thống, đem đến động cơ, hứng thú và giúp HS chủ động hơn với kiến thức của môn học. Ngoài ra, ứng dụng SĐTD trong quá trình dạy học môn Ngữ văn là một phương pháp hiệu quả giúp HS phát triển tư duy và hình thành cho bản thân những kỹ năng cần thiết. Vậy nên việc ứng dụng SĐTD vào quá trình dạy học môn Ngữ văn lớp 10 mang tính cấp thiết trong bối cảnh đổi mới dạy học hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận chung về sơ đồ tư duy (Mind map)

2.1.1. Hoạt động của tư duy

Khái niệm tư duy: tư duy là một hình thức hoạt động của hệ thần kinh thể hiện qua việc: tạo ra các liên kết giữa các phần tử đã ghi nhớ được chọn lọc

và kích thích chúng hoạt động để thực hiện nhận thức về thế giới xung quanh định hướng cho hành vi phù hợp với môi trường sống. Các loại tư duy gồm: tư duy kinh nghiệm, tư duy khoa học, tư duy đọc hiểu, tư duy triết học, tư duy lý luận, tư duy sáng *tạo*...

2.1.2. Khái quát chung về SĐTD

** Khái niệm SĐTD:* Hiện nay có nhiều định nghĩa khác nhau về SĐTD.

- Theo Tony Buzan, SĐTD được định nghĩa là phương pháp kết nối mang tính đồ họa có tác dụng lưu giữ, sắp xếp và xác lập ưu tiên đối với mỗi loại thông tin (thường là trên giấy) bằng cách sử dụng từ hay hình ảnh then chốt hoặc gợi nhớ nhằm làm "bật lên" ký ức cụ thể và phát sinh các ý tưởng mới.

- Theo tác giả Trần Đình Châu: Bản đồ tư duy còn gọi là SĐTD, lược đồ tư duy… là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, tóm tắt những ý chính của một nội dung, hệ thống hóa một chủ đề… bằng cách kết hợp việc sử dụng hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết.

Theo chúng tôi: SĐTD là phương pháp ghi chép và tổ chức thông tin bằng hình ảnh trực quan, tận dụng tối đa khả năng ghi nhớ của não bộ. Phương pháp này giúp hệ thống hóa một chủ đề trung tâm thành các nhánh ý tưởng liên kết chặt chẽ với nhau.

** Đặc điểm và cơ chế hoạt động của SĐTD (Mind map)*

Theo Tony Buzan, SĐTD có 4 đặc điểm: Cơ chế hoạt động của SĐTD: hình ảnh + liên tưởng => liên kết + tưởng tượng => sáng tạo, trong đó SĐTD chú trọng tới việc sử dụng từ, hình ảnh, màu sắc, với các mạng lưới liên tưởng (các nhánh) liên kết lại với nhau theo một hệ thống thống nhất.

** Phân loại SĐTD.* Có thể phân loại như sau:

- Phân loại SĐTD theo lĩnh vực ứng dụng: SĐTD trong lĩnh vực dạy học, SĐTD trong lĩnh vực chuyên môn.

- Phân loại SĐTD theo nội dung học tập: SĐTD theo đề cương, SĐTD theo chương, SĐTD theo đoạn văn.

** Ưu điểm của SĐTD:*

- Logic, mạch lạc, dễ nhìn, dễ viết, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ học, nhớ sâu.

- Phát triển và khai phá tiềm năng ghi nhớ của bộ não.

- Sử dụng hiệu quả quỹ thời gian.

- Có cách nhìn vấn đề một cách hệ thống, khái quát; rèn luyện khả năng xác định chủ đề và phát triển ý chính, ý phụ một cách logic.

- Kích thích hứng thú học tập, khả năng sáng tạo, chủ động của HS.

** Lợi ích của sơ đồ tư duy (Mind map)*

- Tổ chức thông tin: SĐTD giúp tổ chức thông tin trực quan và hệ thống. Bằng cách viết xuống các ý tưởng chính và phân nhánh ra các ý tưởng phụ, nó tạo thành một cấu trúc hợp lý. Giúp người xem có cái nhìn tổng quan vấn đề và hiểu rõ mối quan hệ giữa các phần tử trong sơ đồ.

- Kích thích tư duy sáng tạo: SĐTD khuyến khích tư duy sáng tạo và tạo không gian để phát triển ý tưởng mới. Có thể kết nối các ý tưởng không liên quan và tạo ra liên kết mới, giúp mở rộng tư duy và tạo ra những ý tưởng đột phá.

- Ghi nhớ tốt hơn: SĐTD có thể sử dụng các biểu đồ, hình ảnh và màu sắc để tạo ra một biểu đồ hấp dẫn, trực quan. Điều này giúp kích thích trí nhớ và ghi nhớ thông tin một cách tốt hơn so với việc sử dụng văn bản thông thường.

- Giao tiếp và hợp tác: SĐTD có thể được sử dụng như một công cụ giao tiếp và hợp tác trong nhóm. Mỗi cá nhân có thể chia sẻ sơ đồ tư duy với những người khác để trình bày ý tưởng của mình, thảo luận và cùng nhau phát triển ý tưởng. Từ đó SĐTD giúp tăng cường sự hiểu biết chung và tăng thêm cơ hội tạo ra giải pháp tốt hơn.

** Ứng dụng phổ biến của SĐTD*

- Học tập: Tóm tắt bài học, ôn thi, học từ vựng ngoại ngữ.

- Lập kế hoạch và quản lý: Lên ý tưởng (brainstorming), quản lý dự án, phác thảo chiến lược kinh doanh.

- Thuyết trình: Cấu trúc bài nói mạch lạc, dễ theo dõi trước đám đông. Có thể vẽ sơ đồ tư duy thủ công bằng giấy bút kết hợp màu vẽ, hoặc sử dụng các công cụ trực tuyến rất phổ biến hiện nay như XMind hoặc Canva.

** Ứng dụng SĐTD trong giảng dạy:* SĐTD là một công cụ ghi chép và học tập hiệu quả, được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Trong giảng dạy, SĐTD có thể được sử dụng để trình bày ý tưởng, phân loại thông tin, tạo liên kết giữa các khái niệm, giúp học sinh hiểu và ghi nhớ thông tin một cách dễ dàng hơn.

- SĐTD đã trở thành phương pháp học phổ biến cho các thế hệ học sinh giúp dễ dàng hệ thống bài học và ghi nhớ kiến thức một cách tốt hơn. Tuy nhiên, ít ai biết rằng việc sử dụng sơ đồ tư duy để giảng bài cho học sinh lại là một phương pháp hay, đột phá hơn so với cách dạy truyền thống và giúp giáo viên dễ dàng tạo ra sự hứng thú và giảm tải lượng kiến thức chưa thật sự cần thiết cho học sinh, đặc biệt là đối với môn Văn.

- SĐTD sử dụng hình ảnh, màu sắc và các ký hiệu trực quan để thể hiện thông tin, giúp học sinh dễ dàng tiếp thu và ghi nhớ kiến thức hơn.

- Khuyến khích học sinh suy nghĩ sáng tạo và liên kết các ý tưởng với nhau, phát triển tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề.

- Học sinh ghi chép thông tin một cách ngắn gọn và súc tích, tối ưu hóa quá trình ghi chép.

- SĐTD giúp học sinh tổng hợp và tóm tắt kiến thức một cách dễ dàng, sinh động, giúp hiểu rõ mối quan hệ giữa các khái niệm và chủ đề.

- SĐTD sử dụng nguyên tắc ghi nhớ theo mạng lưới, giúp ghi nhớ thông tin một cách lâu dài và hiệu quả hơn.

** Ứng dụng SĐTD trong dạy học Ngữ văn* giúp chuyển hóa các kiến thức lý thuyết trừu tượng thành hình ảnh trực quan. Biện pháp này giúp học sinh hệ thống hóa nhân vật, cốt truyện, các biện pháp tu từ một cách logic, dễ nhớ và rèn luyện tư duy phản biện.

2.1.3. Vai trò và lợi ích của SĐTD (Mind map) trong dạy học môn Ngữ văn THPT

Bản chất của phương pháp SĐTD là một kỹ thuật dạy học giúp tổ chức và phát triển tư duy, trí tuệ và kỹ năng cho HS thông qua việc sử dụng từ khóa, hình ảnh và các mối liên kết giữa ý tưởng. Đây cũng là phương tiện ghi chép sáng tạo, hỗ trợ mở rộng, đào sâu và hệ thống hóa kiến thức. Vì vậy, dạy học bằng SĐTD là một giải pháp góp phần đổi mới phương pháp giáo dục.

Trong môn Ngữ văn, đổi mới PPDH có vai trò quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dạy học và thực hiện mục tiêu giáo dục. Việc vận dụng SĐTD phù hợp giúp tiết kiệm thời gian, tăng tính linh hoạt của bài giảng, đồng thời hỗ trợ HS hệ thống hóa kiến thức, phát triển khả năng diễn đạt, ghi nhớ, tư duy và sáng tạo thông qua từ khóa, đường nét, màu sắc và hình ảnh. SĐTD cũng có thể được sử dụng trong kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ HS xây dựng ý tưởng, lập dàn ý, viết bài, giải quyết vấn đề và làm rõ các nội dung học tập.

So với phương pháp ghi chép truyền thống, dạy học bằng SĐTD có một số ưu điểm nổi bật:

Thứ nhất, tăng khả năng ghi nhớ và hiểu bài. Việc kết hợp hình ảnh, màu sắc, ký hiệu và từ khóa giúp hình thành các liên kết giữa các khái niệm, từ đó hỗ trợ HS ghi nhớ và hiểu bài sâu hơn. Nghiên cứu của Buzan cho thấy HS có thể ghi nhớ đến 75% nội dung khi sử dụng SĐTD, so với chỉ 10% khi chỉ đọc văn bản. Tee et al. (2014) cũng chỉ ra rằng HS sử dụng SĐTD có kết quả học tập cao hơn đáng kể so với nhóm học theo phương pháp truyền thống.

Thứ hai, phát triển tư duy sáng tạo. SĐTD khuyến khích HS liên kết các ý tưởng theo hướng phi tuyến tính, qua đó hỗ trợ tư duy phản biện, khám phá các mối liên hệ mới và nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ. Đây là ưu điểm đặc biệt phù hợp với môn Ngữ văn, vốn đòi hỏi khả năng sáng tạo và liên tưởng.

Thứ ba, hỗ trợ cá nhân hóa học tập. SĐTD cho phép tổ chức và tinh gọn nội dung theo cấu trúc phù hợp với cách tiếp nhận, phong cách học tập và khả năng cảm thụ văn học của từng nhóm HS, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

Thứ tư, tăng sự tham gia và động lực học tập. Với tính trực quan, sinh động và linh hoạt, SĐTD giúp HS thể hiện ý tưởng bằng hình ảnh, màu sắc và ký hiệu, qua đó tăng hứng thú, sự tập trung và mức độ tham gia vào hoạt động học tập. Budd (2004), trong nghiên cứu trên 100 sinh viên đại học, ghi nhận 86% người tham gia cho rằng SĐTD giúp họ tập trung hơn và 78% cho biết họ thích sử dụng phương pháp này.

2.1.4. Đặc trưng của quá trình dạy học môn Ngữ văn: Ngữ văn là một bộ môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Khối lượng kiến thức văn học rộng, thiên về lý thuyết và con chữ, ít sáng tạo. Ngữ văn là môn học có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến hình thành nhân cách và phát triển tâm lý của HS.

2.2. Thực trạng ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn lớp 10 (CTCB) cho HS trường THPT Nhân Chính, Hà Nội

2.2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

** Đối tượng khảo sát:* gồm 150 HS các lớp 10A1, 10A2, 10A3, 10A4 và một số GV bộ môn Ngữ văn.

* Cách thức khảo sát: Sau khi thu được kết quả tự đánh giá của HS, tác giả tiến hành xử lý thông tin trên phần mềm SPSS nhằm tính số lượng, tính tỉ lệ (%), tóm tắt, tổng hợp dữ liệu với các tham số thống kê và trình bày dưới các dạng bảng, biểu đồ thích hợp với từng nội dung chính.

2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

a. Thực trạng mức độ nhận thức của học sinh về SĐTD trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10

- Mức độ hiểu thuật ngữ SĐTD của HS: Sau khi tiến hành phát phiếu trưng cầu ý kiến, tác giả đã thu được kết quả về mức độ hiểu thuật ngữ SĐTD của HS trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10 được thể hiện. Quan niệm của HS về khái niệm SĐTD: để HS tự đưa ra khái niệm SĐTD theo ý hiểu của bản thân.

** Mức độ ứng dụng SĐTD* trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10

- Mức độ ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn (CTCB) của HS lớp 10 trường THPT Nhân Chính, Hà Nội

Đánh giá của HS về vai trò ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10

- Tự đánh giá của HS về vai trò ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10 được thể hiện ở câu hỏi thứ 5, 6 trong phiếu hỏi.

** Mức độ nhu cầu phát triển của HS* khi ứng dụng SĐTD trong phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10

Mức độ cần thiết ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn (CTCB) của HS lớp 10 trường THPT Nhân Chính – Hà Nội

** Nhu cầu được trang bị của HS sau khi ứng dụng SĐTD trong phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10*

** Vận dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10 cho HS trường THPT Nhân Chính, Hà Nội:* GV dạy học sinh lập SĐTD ví dụ về một số tác phẩm VHTĐ như: Độc Tiểu Thanh ký – Nguyễn Du, Trao duyên (trích Truyện Kiều) – Nguyễn Du, Nỗi thương mình (trích Truyện Kiều) – Nguyễn Du và thực hiện theo trình tự gồm 4 hoạt động mà GV yêu cầu.

b. Thực trạng mức độ ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10 trường THPT Nhân Chính, Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến tự đánh giá của HS về vai trò ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10 được thể hiện là rất cao, rất cần thiết.

2.3. Một số biện pháp ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) cho HS lớp 10 trường THPT Nhân Chính, thành phố Hà Nội

2.3.1. Giới thiệu và cho HS làm quen với SĐTD dưới sự hướng dẫn của GV

Biện pháp này rất quan trọng đối với dạy học văn THPT.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Số liệu khảo sát cho thấy, nhiều HS chưa có kỹ năng xây dựng SĐTD (sơ đồ có nội dung từ khóa không chọn lọc, ngôn ngữ rườm rà, thiếu trực quan). Đồng thời, nhiều GV chưa thực sự chú ý đến việc hướng dẫn HS cách xây dựng SĐTD hiệu quả. Vì thế, nhà trường định hướng hỗ trợ người học lựa chọn và sắp xếp các ký hiệu/từ khóa/cụm từ/câu chủ đề làm nền tảng xây dựng SĐTD là việc làm cần thiết. Trong các học phần giảng dạy về ngôn ngữ nói chung, giảng dạy học phần "Tiếng Việt thực hành" nói riêng, xây dựng SĐTD thường dựa trên việc lựa chọn, sắp xếp những từ khóa/cụm từ ngắn gọn, một số dạng bài tập trong học phần có thể sử dụng câu chủ đề phân bậc. Tất cả từ khóa/cụm từ hay câu chủ đề này được sắp xếp theo một trình tự nhất định, làm nền tảng để người học thuyết trình một cách mạch lạc, khoa học.

2.3.2. Nâng cao nhận thức của GV và HS về vai trò cần thiết của SĐTD trong đổi mới PPDH học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn (CTCB)

Biện pháp này nhằm nhanh chóng nâng cao nhận thức của GV và HS về vai trò cần thiết của SĐTD trong đổi mới PPDH học phần VHTĐ Việt Nam môn Ngữ văn.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Dạy và học có sử dụng SĐTD sẽ giúp học sinh luôn phải hoạt động, suy nghĩ, tư duy, phát hiện ra nội dung trọng tâm cần ghi nhớ và tổng hợp. Học sinh không bị nhàm chán trong mỗi giờ học, không bị gò bó học thuộc một cách máy móc. Ngoài ra, cách học này giúp học sinh rèn luyện kỹ năng đọc (học sinh đọc và ghi nhớ nội dung một cách trọng tâm); rèn luyện khả năng tư duy (học sinh sẽ tái hiện lại những nội dung đọc thành một chuỗi kiến thức có sự liên kết chặt chẽ về thời gian); phát triển khả năng sáng tạo của mỗi học sinh (Học sinh thể hiện được các năng khiếu vẽ, trang trí, sắp xếp, sử dụng màu sắc...)

Để HS biết sử dụng SĐTD trong học tập, GV hướng dẫn, gợi ý người học lựa chọn và sắp xếp các ký hiệu/từ khóa/cụm từ/câu chủ đề để lập SĐTD. Quá trình GV định hướng cách thức xây dựng SĐTD là việc làm cần thiết, giúp HS rèn luyện tư duy sắc sảo và phát triển năng lực xác định "sườn ý" trọng tâm của bài học. Đồng thời, HS được rèn luyện khả năng khái quát, hệ thống hóa kiến thức và trình bày vấn đề một cách logic.

2.3.3. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng SĐTD cho GV

Biện pháp này rất cần thiết nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng SĐTD cho GV trong giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Trong dạy học môn Ngữ văn, nếu như GV có thể vận dụng phương pháp thảo luận cho cả vấn đề lý thuyết/thực hành, tập trung vào những kiến thức mà người dạy dự đoán được người học có hiểu biết nhất định về nó… những kiến thức mang

tính chất phổ biến mà người học có thể đưa ra quan điểm phong phú, đa dạng hơn, thể hiện cách nhìn nhận nhiều chiều của người học, thì phương pháp sử dụng SĐTD có thể được GV vận dụng khi giảng dạy kiến thức lý thuyết (là chủ yếu) bao gồm cả kiến thức mới/khó, cũ/dễ, kiến thức ôn tập.

2.3.4. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn để tuyên truyền, giới thiệu cho GV về vai trò, tác dụng của SĐTD trong hỗ trợ đổi mới PPDH

Biện pháp này rất cần thiết nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu cho GV về vai trò, tác dụng của SĐTD trong hỗ trợ đổi mới PPDH môn Ngữ văn lớp 10.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Phương pháp sử dụng SĐTD là một trong những PPDH tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình rèn luyện năng lực tư duy, suy nghĩ logic, óc phân tích, tổng hợp nội dung kiến thức rất cần thiết cho người học. Nếu như phương pháp nêu và giải quyết vấn đề đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều thời gian và công sức suy nghĩ để tạo ra được nhiều tình huống gợi vấn đề thì việc sử dụng SĐTD là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học Ngữ văn cho HS THPT.

III. KẾT LUẬN

Ứng dụng SĐTD trong dạy học môn Ngữ văn sẽ mang lại nhiều kết quả tốt và đáng khích lệ trong phương thức học tập của học sinh và phương pháp giảng dạy của giáo viên. Học sinh sẽ học được phương pháp tự học, tăng tính chủ động, sáng tạo và phát triển tư duy. Giáo viên sẽ tiết kiệm được thời gian, tăng sự linh hoạt trong bài giảng và quan trọng nhất sẽ giúp học sinh nắm được kiến thức thông qua một "sơ đồ" thể hiện các liên kết chặt chẽ của tri thức.

Bài viết làm rõ một số vấn đề lý luận của việc sử dụng SĐTD vào dạy học môn Ngữ văn. Qua nghiên cứu việc sử dụng SĐTD vào giảng dạy môn Ngữ văn lớp 10 cho thấy: Ứng dụng thành thạo và hiệu quả SĐTD trong dạy học sẽ mang lại nhiều kết quả tốt trong phương thức học tập của HS và phương pháp giảng dạy của GV. Bài viết đề xuất 4 biện pháp ứng dụng SĐTD trong dạy học phần Văn học trung đại môn Ngữ văn lớp 10 (CTCB) cho học sinh trường THPT Nhân Chính, thành phố Hà Nội. Vì vậy ứng dụng SĐTD trong dạy học phần VHTĐ môn Ngữ văn (CTCB) lớp 10 trường THPT Nhân Chính, thành phố Hà Nội là điều cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành TƯ Đảng (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội.

Trần Đình Châu (chủ biên) (2012), Đổi mới phương pháp dạy học và sáng tạo với bản đồ tư duy, NXB Giáo dục Việt Nam.

Phạm Thị Châu (2012), Vận dụng bản đồ tư duy vào giờ học văn ở THPT (bài khái quát giai đoạn văn học), Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn trường ĐH Sư phạm Hà Nội.

Hoàng Đức Huy (2013), Dạy học bằng tư duy vui, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Mai Hương (2010), Vận dụng bản đồ tư duy để giảng dạy các bài văn học sử trong chương trình Ngữ văn THPT (chương trình chuẩn), luận văn thạc sĩ sư phạm Ngữ văn trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN.

Tony Buzan (2014), Nền tảng và ứng dụng của bản đồ tư duy, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.